



Working Paper 2026.1.5.10
- Vol. 1 , No. 5

**TÁC ĐỘNG NGOÀI LÃNH THỔ CỦA CHỈ THỊ THẨM ĐỊNH
BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (CSDDD)
VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VIỆT NAM**

Mai Thị Ngọc Linh¹, Lê Thị Hoàng Kim, Nguyễn Thị Hoa

Sinh viên K62 Luật Thương mại quốc tế - Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hà

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Sáng tạo
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trong bối cảnh các tiêu chuẩn phát triển bền vững ngày càng được chú trọng trong thương mại quốc tế, Liên minh châu Âu (EU) đã ban hành Chỉ thị Thẩm định bền vững doanh nghiệp (Corporate Sustainability Due Diligence Directive, CSDDD) nhằm yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện thẩm định ESG trong toàn bộ chuỗi giá trị. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu kết hợp với đánh giá tác động pháp lý nhằm làm rõ tác động ngoài lãnh thổ của pháp luật EU và nội dung cơ bản của Chỉ thị CSDDD. Trên cơ sở đó, nghiên cứu chỉ ra các yêu cầu pháp lý cốt lõi mà doanh nghiệp cần đáp ứng khi tham gia chuỗi cung ứng EU, đồng thời phân tích và đánh giá các tác động ngoài lãnh thổ của CSDDD đối với doanh nghiệp ngoài EU, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Từ đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực quản trị ESG và thích ứng với các yêu cầu mới của thị trường EU.

Từ khóa: Thẩm định bền vững doanh nghiệp, CSDDD, Liên minh châu Âu, xuất khẩu, doanh nghiệp Việt Nam

¹ Tác giả liên hệ, email: k62.2314610043@ftu.edu.vn

THE EXTRATERRITORIAL EFFECTS OF THE EUROPEAN UNION'S CORPORATE SUSTAINABILITY DUE DILIGENCE DIRECTIVE (CSDDD) AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAMESE EXPORTING ENTERPRISES.

Abstract

In the era of escalating sustainability standards within international trade, the European Union (EU) has enacted the Corporate Sustainability Due Diligence Directive (CSDDD), which requires companies to undertake comprehensive ESG (Environmental, Social, and Governance) due diligence across their entire value chains. On the grounds of an overview of the extraterritorial effects of EU law and the core provisions of the CSDDD, this paper elucidates the key legal requirements of the EU with which enterprises must comply when participating in EU supply chains. Besides, it analyzes and particularly evaluates the extraterritorial impacts of the CSDDD on non-EU entities, especially on Vietnamese exporters. To conclude, the study proposes several strategic recommendations in order to assist Vietnamese enterprises in enhancing their ESG governance capacity to adapt to the evolving sustainability requirements of the EU market.

Keywords: ESG due diligence, Corporate Sustainability Due Diligence Directive (CSDDD); European Union; exports; Vietnamese enterprises.

Lời mở đầu

Trong bối cảnh các chuỗi cung ứng xuyên quốc gia phát triển mạnh mẽ, các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế cũng ngày càng gắn liền với yêu cầu về phát triển bền vững. Các yếu tố liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (ESG) không chỉ được xem là chuẩn mực đạo đức kinh doanh mà còn dần trở thành các yêu cầu pháp lý bắt buộc tại nhiều thị trường lớn trên thế giới. Trong đó, Liên minh châu Âu (EU) đóng vai trò tiên phong trong việc thiết lập các khuôn khổ pháp lý nhằm thúc đẩy trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các tác động của các yếu tố ESG trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Trước xu hướng đó, EU đã ban hành Chỉ thị Thẩm định bền vững doanh nghiệp (CSDDD) nhằm yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện thẩm định đối với các rủi ro liên quan đến môi trường, quyền con người và quản trị trong toàn bộ hoạt động kinh doanh cũng như trong chuỗi cung ứng của mình. Tuy nhiên, phạm vi ảnh hưởng của CSDDD không chỉ giới hạn trong lãnh thổ EU mà còn tác động đến các doanh nghiệp ngoài EU có mối quan hệ thương mại và tham gia vào chuỗi cung ứng của thị trường này.

Từ bối cảnh trên, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi: (i) CSDDD đặt ra những nghĩa vụ pháp lý nào đối với doanh nghiệp trong và ngoài EU? (ii) Phạm vi áp dụng ngoài lãnh thổ của CSDDD được thể hiện và ảnh hưởng như thế nào đến các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng? (iii) Những tác động thực tiễn nào có thể phát sinh đối với doanh nghiệp Việt Nam khi duy trì quan hệ thương mại với thị trường EU? Trên cơ sở đó, nghiên cứu sẽ phân tích các quy định cốt lõi liên quan đến cơ chế thực thi, định hướng chính sách, phạm vi, thời gian áp dụng và hiệu lực ngoài lãnh thổ của CSDDD. Qua đó, nghiên cứu không chỉ đánh giá các tác

động của CSDDD đối với doanh nghiệp ngoài EU, đặc biệt là doanh nghiệp Việt Nam, mà còn cung cấp cơ sở tham khảo cho việc hoàn thiện chiến lược kinh doanh và thích ứng với các yêu cầu ngày càng chặt chẽ của thị trường EU.

1. Cơ sở lý luận về hiệu lực ngoài lãnh thổ và Chỉ thị CSDDD

1.1. Khái quát về hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật EU

1.1.1. Khái niệm hiệu lực ngoài lãnh thổ

Hiệu lực ngoài lãnh thổ (extraterritoriality) được hiểu là khả năng một chủ thể lập pháp áp dụng quy phạm pháp luật của mình đối với các hành vi, chủ thể hoặc quan hệ pháp lý xảy ra ngoài phạm vi lãnh thổ. Trong lý luận truyền thống, pháp luật chủ yếu dựa trên nguyên tắc lãnh thổ; tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, xu hướng mở rộng phạm vi áp dụng pháp luật ra ngoài biên giới ngày càng trở nên phổ biến nhằm điều chỉnh các quan hệ xuyên quốc gia (Marcu et al., 2023)

Về mặt lý luận, việc xác định một quy phạm có hiệu lực ngoài lãnh thổ hay không phụ thuộc vào ý chí của cơ quan lập pháp và cách thức giải thích của tòa án. Thông thường, khi không có quy định rõ ràng, pháp luật được giả định không áp dụng ngoài lãnh thổ nhằm tránh xung đột pháp lý và bảo đảm tôn trọng chủ quyền quốc gia. Tuy nhiên, trên thực tế, các quốc gia vẫn có thể thiết lập hiệu lực ngoài lãnh thổ dựa trên nhiều cơ sở như quốc tịch, bảo vệ lợi ích quốc gia hoặc tác động đáng kể đến thị trường trong nước (Petrović, 2024).

Đối với Liên minh châu Âu, hiệu lực ngoài lãnh thổ thường được thiết kế theo cách gián tiếp, thông qua việc gắn nghĩa vụ pháp lý với thị trường nội khối. Cụ thể, các quy định của EU có thể áp dụng đối với doanh nghiệp ngoài EU nếu các chủ thể này có hoạt động kinh doanh hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ vào thị trường EU (Haut Comité Juridique de la Place Financière de Paris). Nhờ đó, EU có thể mở rộng ảnh hưởng pháp lý ra ngoài lãnh thổ mà không cần tuyên bố trực tiếp, đồng thời tận dụng sức mạnh kinh tế để thúc đẩy việc tuân thủ các tiêu chuẩn của mình trên phạm vi toàn cầu.

1.1.2. Cơ sở hình thành và đặc điểm của hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật EU

Về cơ sở hình thành, hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật EU được hình thành từ sự kết hợp giữa các cơ sở pháp lý trong luật quốc tế cũng như sức mạnh về kinh tế - chính trị của EU.

Trước hết, trên bình diện pháp luật quốc tế, EU mở rộng phạm vi áp dụng pháp luật dựa trên các nguyên tắc quyền tài phán được thừa nhận trong luật quốc tế, đặc biệt là nguyên tắc lãnh thổ mở rộng (territorial extension) và học thuyết tác động (effects doctrine) (Scott, 2014; Martyniszyn, 2021). Theo đó, một chủ thể có thể thiết lập quyền tài phán đối với các hành vi xảy ra bên ngoài lãnh thổ nếu các hành vi này tạo ra tác động trực tiếp và đáng kể trong phạm vi lãnh thổ của mình. Trong bối cảnh EU, điều này cho phép các quy phạm của EU điều chỉnh các hành vi kinh tế diễn ra ở nước thứ ba nhưng có ảnh hưởng đáng kể đến thị trường nội khối.

Ngoài ra, trên phương diện kinh tế - chính trị, sự hình thành và mở rộng hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật EU còn được giải thích thông qua khái niệm “Hiệu ứng Brussels” (Brussels Effect) do Anu Bradford (2012) xây dựng. Đây là hiện tượng EU có khả năng đơn phương định hình các tiêu chuẩn toàn cầu thông qua sức mạnh thị trường của mình. Với quy

mô thị trường lớn, mức độ phát triển lớn cùng hệ thống thể chế ngày càng chặt chẽ, EU có khả năng đơn phương thiết lập các tiêu chuẩn toàn cầu buộc các quốc gia ngoài EU phải tuân thủ nếu muốn tiếp cận thị trường này. Hơn nữa, tính không thể chia cắt của tiêu chuẩn (non-divisibility of standards) - một yếu tố quan trọng của hiệu ứng Brussels khiến các doanh nghiệp đa quốc gia gặp khó khăn nếu áp dụng các tiêu chuẩn khác nhau cho từng thị trường. Khi đó, họ có xu hướng lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn cao của EU thay vì phân chia thành nhiều tiêu chuẩn cho các thị trường khác nhau nhằm tận dụng tính kinh tế theo quy mô và tối ưu chi phí tuân thủ (Bradford, 2012). Nhờ vậy, các quy định của EU, dù xét mặt hình thức pháp lý chỉ có hiệu lực trong nội khối, lại được tuân thủ trên phạm vi toàn cầu.

Về đặc điểm, hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật EU mang một số đặc điểm nổi bật sau:

Thứ nhất, hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật EU tạo tác động gián tiếp nhưng có tính ràng buộc cao. Pháp luật EU không trực tiếp điều chỉnh tất cả các chủ thể ngoài lãnh thổ. Tuy nhiên, trên thực tế, thông qua các quy định kiểm soát nội bộ chặt chẽ, các nghĩa vụ pháp lý này đã tạo sức ép tuân thủ mang tính dây chuyền tới toàn bộ chuỗi cung ứng toàn cầu. Các doanh nghiệp nội khối buộc phải áp đặt các tiêu chuẩn pháp lý lên đối tác, nhà cung cấp và các bên liên quan khác ở nước thứ ba nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, các chủ thể khác dù không thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp vẫn bị ràng buộc bởi các quy định này.

Thứ hai, hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật EU mang tính đơn phương trong việc thiết lập tiêu chuẩn toàn cầu. Thay vì dựa vào các điều ước quốc tế đa phương, EU sử dụng sự lớn mạnh của thị trường nội khối để áp đặt các chuẩn mực pháp lý lên các chủ thể ngoài lãnh thổ. Điều này buộc các doanh nghiệp nước ngoài phải tuân thủ các tiêu chuẩn do EU đặt ra nếu muốn duy trì hoạt động thương mại. Do đó, các quy định của EU dần trở thành chuẩn mực toàn cầu. Việc tuân thủ pháp luật EU trở thành “tấm vé” để các doanh nghiệp nước ngoài tiếp cận thị trường này.

Thứ ba, hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật EU mang tính cưỡng chế. Pháp luật EU thiết lập hệ thống chế tài nghiêm khắc nhằm đảm bảo hiệu quả thi hành. Các vi phạm có thể bị xử phạt dựa trên doanh thu toàn cầu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, EU còn phát triển các cơ chế trách nhiệm dân sự vượt ra ngoài lãnh thổ khi cho phép các chủ thể bị thiệt hại ở nước thứ ba có thể khởi kiện tại tòa án của các quốc gia thành viên. Điều này góp phần mở rộng hiệu lực của pháp luật EU ra phạm vi ngoài lãnh thổ.

1.2 Khái quát về thẩm định ESG và Chỉ thị Thẩm định bền vững doanh nghiệp (CSDDD)

1.2.1. Khái quát về thẩm định ESG

Thuật ngữ “thẩm định trách nhiệm” (Due diligence) được đề cập trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Quyền con người (UNGPs). Sau đó, khái niệm này tiếp tục được sử dụng và lồng ghép vào nhiều văn bản khác, trong đó có văn bản “Hướng dẫn của OECD cho MNE về hành vi kinh doanh có trách nhiệm” của Tổ chức hợp tác & phát triển kinh tế (OECD) và “Tuyên bố ba bên về các Nguyên tắc liên quan tới doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội”. Cụ thể, trong văn bản “OECD Due Diligence Guidance for Responsible Business Conduct” (2018), OECD cho rằng “*Thẩm định trách nhiệm là quá trình*

mà doanh nghiệp cần thực hiện nhằm xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và giải trình cách thức họ xử lý các tác động tiêu cực hiện hữu và tiềm ẩn phát sinh từ chính hoạt động của mình, từ chuỗi cung ứng cũng như từ các mối quan hệ kinh doanh khác”.

Về khái niệm “thẩm định ESG” (ESG Due Diligence), hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất. Tuy nhiên có thể hiểu rằng, thẩm định ESG là quá trình đánh giá một cách có hệ thống các tiêu chí liên quan đến ESG của doanh nghiệp, qua đó giúp doanh nghiệp xác định mức độ tác động đối với phát triển bền vững và mức độ tuân thủ các yêu cầu pháp lý ở các thị trường khác nhau, đặc biệt là ở thị trường yêu cầu tính bền vững cao như EU.

Từ khái niệm nêu trên, có thể thấy rằng thẩm định ESG là yêu cầu tất yếu đối với các doanh nghiệp, qua các khía cạnh nổi bật sau:

Trước hết, thẩm định ESG giúp doanh nghiệp nhận diện sớm các rủi ro liên quan đến các yếu tố ESG hiện diện trong doanh nghiệp, bao gồm vi phạm quy định về môi trường, lao động cưỡng bức hay quản trị doanh nghiệp. Theo Báo cáo Thương mại Toàn cầu 2024, 74% doanh nghiệp cho biết hoạt động của họ chịu tác động trực tiếp từ quy trình thẩm định chuỗi cung ứng. Điều này cho thấy việc đánh giá rủi ro trong chuỗi cung ứng trở thành yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động của doanh nghiệp. Thông qua quá trình thẩm định, doanh nghiệp có thể chủ động triển khai các biện pháp kịp thời để hạn chế nguy cơ phát sinh hành vi vi phạm cũng như giảm thiểu rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, thẩm định ESG giúp doanh nghiệp đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Hiện nay, nhiều quy định mới đã được ban hành nhằm ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các tác động môi trường và xã hội trong chuỗi cung ứng. Để đáp ứng các quy định mới, doanh nghiệp phải chứng minh hoạt động sản xuất kinh doanh của mình phù hợp với các tiêu chuẩn ESG. Ngược lại, nếu không, doanh nghiệp có thể bị loại khỏi chuỗi cung ứng cũng như khó có khả năng tiếp cận các thị trường có tiêu chuẩn cao. Thực tế cho thấy các nhà đầu tư ngày càng coi ESG là yếu tố quan trọng trong việc đánh giá rủi ro đầu tư. Theo PwC (2021), 79% nhà đầu tư cho rằng rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG là yếu tố quan trọng trong quá trình ra quyết định đầu tư, và 49% nhà đầu tư sẵn sàng bán cổ phần của mình nếu doanh nghiệp không có biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến ESG. Do đó, thẩm định ESG là cần thiết để duy trì niềm tin của nhà đầu tư trên thị trường.

Như vậy, thẩm định ESG không chỉ là công cụ giúp doanh nghiệp quản trị rủi ro, nâng cao uy tín mà còn góp phần giúp doanh nghiệp đáp ứng các chuẩn mực bền vững của thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

1.2.2. Khái quát về Chỉ thị Thẩm định bền vững doanh nghiệp (CSDDD)

Trong bối cảnh toàn cầu hóa làm gia tăng các rủi ro về vi phạm nhân quyền, lao động và môi trường trong chuỗi cung ứng toàn cầu, Liên minh châu Âu đã chuyển từ cơ chế trách nhiệm xã hội doanh nghiệp mang tính tự nguyện sang thiết lập nghĩa vụ pháp lý bắt buộc về thẩm định bền vững. Quá trình này chịu ảnh hưởng từ các chuẩn mực quốc tế như UNGPs và Hướng dẫn của OECD dành cho doanh nghiệp đa quốc gia, đồng thời xuất phát từ nhu cầu khắc phục sự phân mảnh pháp lý do các đạo luật thẩm định chuỗi cung ứng riêng lẻ của một số quốc gia

thành viên như Pháp và Đức. Trên cơ sở đó, ngày 23/02/2022, Ủy ban châu Âu đã đề xuất Chỉ thị về thẩm định trách nhiệm bền vững của doanh nghiệp (CSDDD), và văn bản này được thông qua vào năm 2024, có hiệu lực từ ngày 25/7/2024.

CSDDD đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc thể chế hóa các chuẩn mực phát triển bền vững của EU. Chỉ thị thiết lập khuôn khổ pháp lý thống nhất về nghĩa vụ thẩm định đối với các doanh nghiệp lớn trong EU và một số doanh nghiệp ngoài EU có hoạt động kinh doanh đáng kể tại thị trường này, với các nội dung cơ bản sau:

Về mục tiêu điều chỉnh và định hướng chính sách

CSDDD hướng tới thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm, tăng cường bảo vệ người lao động, cộng đồng và môi trường, đồng thời bảo đảm sân chơi cạnh tranh bình đẳng trong thị trường nội khối. Chỉ thị được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế như Nguyên tắc hướng dẫn của Liên hợp quốc về kinh doanh và quyền con người (UNGPs) và Hướng dẫn của OECD về doanh nghiệp đa quốc gia. Khác với các cơ chế tự nguyện trước đây, CSDDD thiết lập nghĩa vụ pháp lý bắt buộc kèm theo cơ chế giám sát hành chính và trách nhiệm dân sự. Về phương diện lý luận, Chỉ thị phản ánh sự chuyển dịch từ mô hình quản trị doanh nghiệp tập trung vào cổ đông sang mô hình định hướng các bên liên quan, trong đó doanh nghiệp phải cân nhắc lợi ích của người lao động, cộng đồng và môi trường trong quá trình hoạt động. Đồng thời, việc ban hành CSDDD cũng nhằm khắc phục tình trạng phân mảnh pháp lý giữa các quốc gia thành viên trước đây.

Về phạm vi áp dụng và hiệu lực ngoài lãnh thổ

Theo Điều 2 CSDDD, Chỉ thị áp dụng đối với các doanh nghiệp được thành lập tại EU có trên 1.000 lao động và doanh thu thuần toàn cầu trên 450 triệu EUR, cũng như các doanh nghiệp ngoài EU nếu đạt doanh thu từ 450 triệu EUR trở lên tại thị trường EU. Việc xác định phạm vi áp dụng dựa trên quy mô kinh tế nhằm tập trung điều chỉnh các doanh nghiệp có tác động lớn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Cách tiếp cận này tạo ra hiệu lực ngoài lãnh thổ trên thực tế, bởi các doanh nghiệp ngoài EU muốn tiếp cận thị trường châu Âu buộc phải tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững tương ứng. Hiện tượng này thường được giải thích thông qua khái niệm hiện tượng Brussels (*Brussels Effect*) (Bradford, 2012), theo đó các quy định của EU có thể trở thành tiêu chuẩn toàn cầu nhờ sức hấp dẫn của thị trường nội khối.

Về thời gian áp dụng

CSDDD được thiết kế với lộ trình thực hiện theo từng giai đoạn nhằm bảo đảm khả năng thích ứng của doanh nghiệp đối với các nghĩa vụ thẩm định bền vững. Theo Điều 37 CSDDD, các quốc gia thành viên phải chuyển hóa Chỉ thị vào pháp luật quốc gia trong vòng 2 năm kể từ ngày Chỉ thị có hiệu lực. Sau khi các quốc gia thành viên chuyển hóa Chỉ thị vào pháp luật quốc gia trong vòng hai năm, nghĩa vụ thẩm định sẽ lần lượt áp dụng trước tiên đối với các doanh nghiệp có quy mô rất lớn, sau đó mở rộng dần đến các doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh chung. Theo KPMG (2024), cách tiếp cận này giúp doanh nghiệp có thời gian thích ứng và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro ESG trong chuỗi giá trị.

Về nghĩa vụ xây dựng kế hoạch chuyển đổi khí hậu

Điều 22 CSDDD yêu cầu các doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh phải xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi nhằm bảo đảm mô hình kinh doanh phù hợp với mục tiêu hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở 1,5°C theo Thỏa thuận Paris và mục tiêu trung hòa khí hậu của EU vào năm 2050. Quy định này thể hiện sự chuyển dịch từ quản trị rủi ro môi trường sang quản trị chuyển đổi kinh tế theo hướng phát thải thấp.

Về cơ chế thực thi

CSDDD thiết lập hai tầng giám sát. Ở cấp hành chính, các quốc gia thành viên phải chỉ định cơ quan giám sát có thẩm quyền và thiết lập chế tài hiệu quả, bao gồm cả các khoản phạt dựa trên doanh thu toàn cầu của doanh nghiệp (CSDDD, Điều 24). Ở cấp tư pháp, Điều 29 CSDDD quy định trách nhiệm dân sự khi doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thẩm định và gây ra thiệt hại. Trong trường hợp này, cá nhân hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng có thể khởi kiện yêu cầu bồi thường trước tòa án quốc gia.

Nhìn chung, CSDDD thiết lập một khuôn khổ pháp lý toàn diện về thẩm định bền vững trong chuỗi giá trị doanh nghiệp, chuyển trọng tâm điều chỉnh của EU sang mô hình quản trị rủi ro bắt buộc, đồng thời tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với các doanh nghiệp ngoại khối có quan hệ thương mại với thị trường châu Âu.

2. Tác động ngoài lãnh thổ của Chỉ thị Thẩm định bền vững doanh nghiệp (CSDDD) 2.1. Cơ chế tạo hiệu lực ngoài lãnh thổ của CSDDD

Trước hết, cơ chế tạo hiệu lực ngoài lãnh thổ của CSDDD được thiết lập thông qua nguyên tắc mở rộng lãnh thổ (territorial extension) (Petrovic, 2025) dựa trên tiêu chí hiện diện kinh tế tại thị trường EU. Theo đó, Chỉ thị áp dụng trực tiếp cho các công ty ngoại EU nếu họ tạo ra doanh thu thuần trên 450 triệu EUR tại thị trường nội khối trong năm tài chính trước đó (CSDDD, Điều 2 Khoản 2(a)), bất kể doanh nghiệp đó có hiện diện pháp lý tại EU hay không. Cách tiếp cận này thể hiện sự thay đổi từ nguyên tắc quyền tài phán dựa trên quốc tịch hay nơi đăng ký thành lập sang tiêu chí gắn với mức độ tham gia thực chất vào thị trường, trong đó yếu tố lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ thị trường EU trở thành cơ sở phát sinh nghĩa vụ pháp lý.

Thứ hai, CSDDD tạo hiệu lực ngoài lãnh thổ thông qua “hiệu ứng thác đổ” (cascading effect) trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là cơ chế tạo ra tác động sâu rộng của CSDDD đối với các quốc gia đang phát triển, mang cả tính “xuyên doanh nghiệp” và “xuyên quốc gia” (Feld, 2026). Chỉ thị yêu cầu các doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh phải thực hiện thẩm định không chỉ đối với hoạt động nội bộ của mình mà còn đối với toàn bộ chuỗi giá trị, bao gồm công ty con trên toàn cầu và các đối tác kinh doanh trực tiếp lẫn gián tiếp. Để thực thi nghĩa vụ này, các doanh nghiệp EU buộc phải đưa yêu cầu pháp lý thành các cam kết hợp đồng (contractual assurances) (CSDDD, Điều 10) nhằm áp đặt các tiêu chuẩn ESG của EU lên nhà cung cấp tại các nước thứ ba, tạo nên hiệu ứng dây chuyền.

Cuối cùng, hiệu lực ngoài lãnh thổ của CSDDD được đảm bảo bằng cơ chế thực thi và chế độ trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt vượt ra khỏi lãnh thổ EU. Cụ thể, Chỉ thị cho phép các nạn nhân bị thiệt hại về môi trường hoặc nhân quyền ở bất kỳ quốc gia nào có thể khởi kiện tại

tòa án của các quốc gia thành viên EU nếu doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ thẩm định (CSDDD, Khoản 1, Khoản 3(d); Parlak de Oliveira Serra, 2025). Đồng thời, các quốc gia thành viên EU có nghĩa vụ thiết lập các chế tài xử phạt tài chính có tính răn đe, trong đó mức giới hạn tối đa của hình phạt tiền không được thấp hơn 5% doanh thu thuần toàn cầu của doanh nghiệp trong năm tài chính ngay trước năm có quyết định xử phạt (CSDDD, Điều 27). Để không vi phạm các quy định pháp lý này, các doanh nghiệp tại các quốc gia ngoài EU có quan hệ thương mại với các quốc gia thành viên buộc phải điều chỉnh hoạt động của mình để tuân thủ các tiêu chuẩn của EU.

Như vậy, sự kết hợp giữa tiêu chí hiện diện kinh tế, hiệu ứng thác đổ trong chuỗi giá trị và cơ chế thực thi kèm trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt đã khiến CSDDD tạo lập tác động sâu rộng vượt ra ngoài biên giới EU.

2.2. Tác động đến các doanh nghiệp của các quốc gia khác ngoài Liên minh châu Âu

2.2.1. Các tác động tích cực

Ngoài các doanh nghiệp quy mô lớn có trụ sở tại các quốc gia thành viên, CSDDD mở rộng phạm vi áp dụng đối với các công ty ngoài EU có doanh thu trên 450 triệu euro tại thị trường EU (Vụ Chính sách thương mại đa biên, 2024). Điều này xuất phát từ thực tế các doanh nghiệp nói trên tham gia vào chuỗi cung ứng và hoạt động kinh doanh trực tiếp hoặc gián tiếp với thị trường EU, do đó làm phát sinh nghĩa vụ tuân thủ các yêu cầu thẩm định theo CSDDD. Trên thực tế, các quy định này đã tạo ra một số tác động tích cực đối với các doanh nghiệp ngoài EU, thể hiện trên một số phương diện sau:

Thứ nhất, thúc đẩy doanh nghiệp ngoài EU nâng cao tiêu chuẩn quản trị và phát triển bền vững.

Các quy định của EU liên quan đến thẩm định ESG, đặc biệt CSDDD đã tạo ra áp lực thích nghi đối với các doanh nghiệp ngoại khối tham gia vào chuỗi cung ứng. Mặc dù, nhiều doanh nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp của pháp luật EU, nhưng trong thực tế họ vẫn phải đáp ứng các tiêu chuẩn ESG nhất định để duy trì quan hệ thương mại với các đối tác tại EU. Điều này thúc đẩy các doanh nghiệp cải thiện hệ thống quản trị nội bộ, thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro và nâng cao tiêu chuẩn lao động cũng như bảo vệ môi trường.

Thứ hai, tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường EU.

Đối với các doanh nghiệp ngoài EU, việc chủ động xây dựng hệ thống quản trị ESG, công bố thông tin minh bạch và thực hiện thẩm định chuỗi cung ứng không chỉ giúp đáp ứng yêu cầu pháp lý từ phía đối tác mà còn góp phần nâng cao uy tín và hình ảnh doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp đáp ứng tốt các tiêu chuẩn ESG thường có lợi thế cạnh tranh lớn hơn trong việc thu hút đầu tư, mở rộng hợp tác thương mại và duy trì vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Chẳng hạn, trong các thương vụ mua bán và sáp nhập có liên quan đến doanh nghiệp châu Âu, các công ty có hệ thống quản trị ESG minh bạch và cơ chế quản lý rủi ro bền vững thường được định giá cao hơn đáng kể so với các doanh nghiệp truyền thống (Anastase, 2025).

2.2.2. Các tác động bất lợi

Bên cạnh những lợi ích nêu trên, CSDDD cũng đặt ra nhiều thách thức từ chuỗi cung ứng và đối tác xuất khẩu cho các doanh nghiệp ngoài EU, đặc biệt là các doanh nghiệp tại các quốc gia đang phát triển.

Thứ nhất, làm gia tăng chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp ngoài EU.

Các yêu cầu về báo cáo và các nghĩa vụ khác của CDDD cũng có thể dẫn đến chi phí tuân thủ quá cao đối với các đối tác kinh doanh nhỏ hơn đang hoạt động trong chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp lớn, từ đó làm phát sinh thêm chi phí xây dựng hệ thống quản lý rủi ro, thiết lập cơ chế giám sát chuỗi cung ứng, thu thập dữ liệu liên quan đến môi trường và lao động, cũng như thực hiện các báo cáo minh bạch định kỳ, hay các khoản đầu tư cho đào tạo nhân sự, chi phí nâng cấp nhà xưởng. Những yêu cầu này có thể làm phát sinh chi phí đáng kể, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại các quốc gia đang phát triển, nơi nguồn lực tài chính và năng lực quản trị còn hạn chế.

Thứ hai, tác động đến quan hệ thương mại và đầu tư quốc tế

Một số quốc gia và doanh nghiệp ngoài EU cho rằng các quy định ESG của EU có thể tạo ra gánh nặng pháp lý và ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Một trường hợp tiêu biểu cho thấy sự phản ứng từ các nhà cung cấp lớn ngoài EU là Qatar - một trong những quốc gia xuất khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) lớn nhất thế giới và là nhà cung cấp chiến lược cho châu Âu. Bộ trưởng Năng lượng Qatar đã nhấn mạnh rằng nếu EU duy trì một số yêu cầu nghiêm ngặt trong CSDDD có thể sẽ ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác thương mại năng lượng, thậm chí đặt ra nguy cơ gián đoạn nguồn cung LNG từ Qatar sang thị trường EU do khó khăn trong tuân thủ tiêu chuẩn nhân quyền và môi trường (El Dahan, 2025). Cụ thể, Công ty dầu khí nhà nước của Qatar (QatarEnergy) lo ngại các nghĩa vụ thẩm định và chuẩn báo cáo sẽ gây áp lực lớn đối với các hoạt động kinh doanh quốc tế, vì nhiều tiêu chuẩn vẫn khác biệt so với hệ quy chuẩn nội bộ ở Qatar như bảo vệ lao động di cư hay quy định đo lường khí thải metan. Điều này cũng phản ánh thực tế rằng CSDDD đã và đang ra áp lực pháp lý buộc các công ty quốc tế điều chỉnh hoạt động để có thể tiếp tục tiếp cận thị trường EU, từ đó có thể tạo ra những tranh luận và căng thẳng trong quan hệ thương mại quốc tế (Al-Emadi et al., 2025).

Thứ ba, nguy cơ bị loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu hoặc mất thị trường xuất khẩu.

Trước yêu cầu doanh nghiệp EU phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với các rủi ro về môi trường và quyền con người trong toàn bộ chuỗi cung ứng, một số doanh nghiệp có thể lựa chọn hạn chế hoặc chấm dứt hợp tác với các nhà cung cấp tại những quốc gia được đánh giá có mức độ rủi ro cao nhằm giảm thiểu trách nhiệm pháp lý. Xu hướng này có thể dẫn đến hiện tượng các doanh nghiệp tại các nước đang phát triển bị loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu nếu không đáp ứng được các tiêu chuẩn ESG cần thiết. Hệ quả là nhiều doanh nghiệp nhỏ có thể mất cơ hội xuất khẩu sang thị trường EU, đồng thời gây ra những tác động tiêu cực đối với việc làm và sự phát triển kinh tế tại các quốc gia này.

Như vậy, nhìn chung, CSDDD của EU có tác động đáng kể đến các doanh nghiệp ngoài phạm vi lãnh thổ, từ việc tăng cường áp lực tuân thủ chuỗi cung ứng, áp lực điều chỉnh pháp

luật quốc gia, đến phản ứng chiến lược từ các đối tác năng lượng quy mô lớn như Qatar. Vì vậy, dù không áp đặt trực tiếp quy định của EU vào hệ thống pháp luật nước ngoài, CSDDD đã và đang trở thành một khuôn khổ pháp lý mang tính toàn cầu có tác động sâu sắc đến chính sách nội bộ, chiến lược đầu tư và chuẩn mực kinh doanh của nhiều quốc gia, đặc biệt ở các nước tham gia vào các trung tâm xuất khẩu lớn (European Commission, n.d.).

2.3. Tác động đến các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

2.3.1. Tác động tích cực

Việc EU ban hành các quy định về thẩm định bền vững đã tạo ra những tác động đáng kể, bao gồm cả những tác động tích cực và tác động bất lợi đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt những doanh nghiệp có quan hệ thương mại với các đối tác EU.

Thứ nhất, CSDDD thúc đẩy các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nâng cao tiêu chuẩn quản trị và thực hành ESG trong hoạt động kinh doanh.

Chỉ thị CSDDD yêu cầu các doanh nghiệp lớn hoạt động tại EU phải tiến hành thẩm định rủi ro về môi trường, quyền con người và quản trị trong toàn bộ chuỗi giá trị, bao gồm cả các nhà cung cấp ở các quốc gia ngoài EU tham gia vào chuỗi cung ứng của khu vực này (European Commission, n.d.). Vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia chuỗi cung ứng với các đối tác EU phải nâng cao các tiêu chuẩn quản trị, minh bạch hóa dữ liệu về môi trường, xã hội đồng thời xây dựng hệ thống quản lý rủi ro ESG. Thay vì chỉ tập trung vào tối ưu hóa chi phí ngắn hạn, các doanh nghiệp buộc phải đầu tư vào các hệ thống quản trị hiện đại, minh bạch và có trách nhiệm hơn với các vấn đề ESG. Điều đó giúp doanh nghiệp Việt Nam từng bước chuẩn hóa hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động cũng như cải thiện năng lực quản trị của doanh nghiệp trong dài hạn.

Thứ hai, CSDDD tạo động lực thúc đẩy tiến trình đổi mới công nghệ và chuyển đổi xanh trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam.

Để đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng, nhiều doanh nghiệp Việt Nam buộc phải đầu tư vào công nghệ sản xuất sạch, hệ thống quản lý dữ liệu và công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Những yêu cầu này thường bao gồm kiểm soát phát thải, theo dõi nguồn gốc nguyên liệu và lập bản đồ chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo không có rủi ro về môi trường hoặc lao động trong quá trình sản xuất. Trong thực tế, nhiều ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như cà phê, gỗ, thủy sản và dệt may đã bắt đầu áp dụng các hệ thống truy xuất nguồn gốc, chứng nhận môi trường và quản lý phát thải để đáp ứng yêu cầu của thị trường EU.

Thứ ba, tạo cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu và củng cố uy tín thương hiệu.

Trước các nghĩa vụ pháp lý nghiêm ngặt về phát triển bền vững, các doanh nghiệp lớn của EU có xu hướng ưu tiên hợp tác với những nhà cung cấp đáp ứng điều kiện và quy trình thẩm định. Vì vậy, việc tuân thủ các tiêu chuẩn của CSDDD có thể trở thành “tấm hộ chiếu” giúp doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng châu Âu. Theo dự báo của

McKinsey năm 2023, trong ngành dệt may, trong ngành dệt may, các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn bền vững và ESG thường có giá xuất khẩu cao hơn khoảng 5 - 10% so với sản phẩm thông thường (Đình Hoàng Minh, 2025). Điều này cho thấy việc tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững không chỉ giúp duy trì quyền tiếp cận thị trường mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá trị gia tăng của sản phẩm.

2.3.2. Tác động bất lợi

Bên cạnh một số lợi ích tiềm năng, việc thực thi Chỉ thị CSDDD cũng tạo ra những tác động bất lợi nhất định đối với doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ nhất, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với áp lực tuân thủ ngày càng gia tăng từ phía các đối tác EU.

Mặc dù phạm vi áp dụng của Chỉ thị chủ yếu áp dụng trực tiếp với các doanh nghiệp lớn tại EU, nhưng thực tế các nghĩa vụ thẩm định lan tỏa toàn bộ chuỗi cung ứng qua yêu cầu của các đối tác kinh doanh (Si & Bonnin Roca, 2026). Mặt khác, EU là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu sang EU đạt khoảng 56,2 tỷ USD vào năm 2025, chiếm khoảng gần 12% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (Thế Hải, 2026). Điều đó cho thấy mức độ phụ thuộc đáng kể của nhiều doanh nghiệp Việt Nam vào thị trường EU, đặc biệt trong các ngành như dệt may, da giày, điện tử và nông sản. Do đó, để duy trì khả năng tiếp cận thị trường và tiếp tục tham gia vào chuỗi cung ứng của các đối tác châu Âu, sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam không chỉ cần đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn sản phẩm mà buộc phải đáp ứng ngày càng chặt chẽ các yêu cầu về thẩm định bền vững và tuân thủ các tiêu chuẩn ESG.

Thứ hai, các quy định về thẩm định bền vững của CSDDD làm gia tăng chi phí tuân thủ và áp lực tài chính đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam.

Để đáp ứng các yêu cầu của EU, doanh nghiệp cần đầu tư vào hệ thống truy xuất nguồn gốc cũng như xây dựng cơ chế thu thập và quản lý dữ liệu liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội phục vụ cho quá trình thẩm định. Những yêu cầu này thường đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu lớn, tạo gánh nặng tài chính cho các doanh nghiệp, đặc biệt đối với quốc gia mà tỷ trọng SMEs chiếm trên 97% cơ cấu doanh nghiệp đang hoạt động các doanh nghiệp như Việt Nam (Hoàng Thị Hồng, 2025). Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2022), quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp tại Việt Nam có thể đòi hỏi khoản đầu tư bổ sung lên đến khoảng 368 tỷ USD đến năm 2040. Trong khi đó, khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp vẫn còn hạn chế khi khoảng 65% doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng xanh, khiến chi phí tuân thủ ESG trở thành một thách thức đáng kể trong ngắn hạn.

Thứ ba, yêu cầu thẩm định bền vững theo CSDDD tạo ra những trở ngại đáng kể đối với năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường EU của doanh nghiệp Việt Nam.

Với thực tiễn các doanh nghiệp EU có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu chuỗi cung ứng của họ liên quan đến các vi phạm môi trường hoặc nhân quyền, nhiều doanh nghiệp có xu hướng ưu tiên hợp tác với các nhà cung cấp có mức độ tuân thủ cao, có khả năng minh bạch hóa dữ liệu và chứng minh các biện pháp quản lý rủi ro trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Điều

này dẫn đến việc đáp ứng các tiêu chuẩn ESG trở thành một điều kiện quan trọng để các doanh nghiệp có thể tiếp cận thị trường và duy trì quan hệ thương mại với các đối tác EU. Trước những yêu cầu thẩm định khắt khe, nếu nhà cung cấp tại Việt Nam không đáp ứng được tiêu chuẩn bền vững, họ đối mặt với nguy cơ bị đối tác EU chấm dứt hợp đồng và loại khỏi chuỗi cung ứng. Theo Tổ chức tài chính đa phương (WBG), trên thực tế, một số doanh nghiệp cho biết đã phải tạm dừng hoặc trì hoãn kế hoạch xuất khẩu sang thị trường EU để rà soát hồ sơ tuân thủ và điều chỉnh quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn bền vững (Đức Hiền, 2025).

Như vậy, có thể thấy Chỉ thị CSDDD của EU mang lại cả cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Do đó, khả năng thích ứng và sự chuẩn bị kỹ lưỡng của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong việc giảm thiểu các tác động bất lợi cũng như chuyển hóa những thách thức của CSDDD thành cơ hội phát triển và hội nhập.

3. Một số khuyến nghị đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

Qua phân tích tác động của các quy định CSDDD, có thể thấy rằng việc tuân thủ các yêu cầu về ESG đang trở thành điều kiện quan trọng để duy trì và mở rộng quan hệ thương mại với thị trường EU. Vì vậy, việc xác định các lưu ý trọng tâm cho doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện thẩm định ESG trong chuỗi cung ứng theo quy định của EU là yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý:

Về nhận thức

Trước hết, doanh nghiệp Việt Nam cần chuyển từ cách tiếp cận mang tính phong trào sang tiếp cận chiến lược, coi ESG là một yếu tố gắn với năng lực cạnh tranh dài hạn. Thực tế cho thấy nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn hạn chế về nguồn lực và kinh nghiệm triển khai các tiêu chuẩn quốc tế. Vì vậy, nếu chỉ tiếp cận ESG như một xu hướng ngắn hạn, việc thực hiện dễ mang tính hình thức và không tạo ra giá trị bền vững. ESG cần được tích hợp vào chiến lược phát triển doanh nghiệp, qua đó giúp phân bổ nguồn lực hợp lý và bảo đảm tính nhất quán trong các quyết định liên quan đến môi trường, lao động, nhân quyền và quản trị.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần tăng cường đào tạo, truyền thông nội bộ và xây dựng văn hóa hướng tới phát triển bền vững để chuyển hóa ESG từ yêu cầu bên ngoài thành động lực nội tại. Trong điều kiện nguồn lực hạn chế, doanh nghiệp có thể bắt đầu từ các hành động thiết thực như tối ưu hóa sử dụng năng lượng, quản lý chất thải, cải thiện điều kiện làm việc và tăng cường minh bạch thông tin. Đồng thời, việc hiểu rõ xu hướng “xanh hóa” và các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của thị trường EU cũng sẽ giúp doanh nghiệp chủ động điều chỉnh chiến lược phù hợp.

Về mục tiêu & chiến lược

Trước hết, các doanh nghiệp cần xác định việc tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược phát triển như một định hướng dài hạn nhằm đảm bảo khả năng tham gia ổn định vào các chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là tại thị trường EU. Trước thực tiễn EU ngày càng tăng cường các yêu cầu pháp lý liên quan đến phát triển bền vững và thẩm định chuỗi cung ứng, ESG không nên được tiếp cận đơn thuần như một nghĩa vụ tuân thủ mang tính ngắn hạn, mà cần được xem

là một yếu tố cốt lõi trong chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp cần chủ động lồng ghép các mục tiêu ESG vào chiến lược kinh doanh tổng thể, bảo đảm sự gắn kết giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với các tiêu chí về bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và minh bạch quản trị.

Ngoài ra, việc triển khai xây dựng hệ thống mục tiêu ESG cụ thể, có thể đo lường và phù hợp với đặc thù hoạt động của từng ngành hàng xuất khẩu cũng rất cần thiết. Việc xác định các chỉ tiêu rõ ràng về sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm phát thải, bảo đảm tiêu chuẩn lao động và minh bạch thông tin sẽ giúp doanh nghiệp theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện một cách hiệu quả.

Về quản trị

Trước hết, doanh nghiệp cần thiết lập cơ cấu quản trị ESG rõ ràng với sự cam kết và giám sát từ lãnh đạo cấp cao, thông qua việc thành lập bộ phận chuyên trách hoặc bổ nhiệm vị trí phụ trách phát triển bền vững. Đồng thời, các chỉ số ESG cần được tích hợp vào hệ thống đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận để theo dõi và kiểm soát tiến độ thực hiện một cách minh bạch. Việc lồng ghép các chỉ tiêu như phát thải, sử dụng năng lượng, an toàn lao động hay minh bạch thông tin sẽ giúp các phòng ban có trách nhiệm cụ thể trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn về ESG thông qua đào tạo nội bộ, tuyển dụng chuyên gia hoặc hợp tác với các tổ chức tư vấn và cơ sở đào tạo. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, việc tăng cường liên kết trong hiệp hội ngành nghề hoặc chuỗi giá trị nội địa cũng là giải pháp quan trọng nhằm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và chi phí chuyển đổi. Ngoài ra, quá trình triển khai ESG cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp với quy mô và năng lực của doanh nghiệp, bắt đầu từ các cải tiến khả thi trước khi mở rộng sang các mục tiêu dài hạn như trung hòa carbon hoặc số hóa quản lý chuỗi cung ứng.

Về tài chính

Trước hết, doanh nghiệp nên tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài chính xanh đồng thời khai thác hiệu quả các chính sách ưu đãi liên quan đến tín dụng và đầu tư. Hiện nay, phần lớn nhà đầu tư và tổ chức tài chính đều yêu cầu doanh nghiệp chứng minh chiến lược ESG rõ ràng trước khi cấp vốn. Những doanh nghiệp đáp ứng tốt các tiêu chuẩn ESG thường được đánh giá có mức rủi ro thấp hơn, qua đó tăng khả năng huy động vốn. Bên cạnh nguồn vốn từ thị trường, doanh nghiệp cũng cần tận dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm giảm áp lực chi phí chuyển đổi. Tại Việt Nam, có thể kể đến đề xuất hỗ trợ lãi suất 2%/năm cho các khoản vay phục vụ dự án xanh được kỳ vọng sẽ góp phần giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh và kinh tế tuần hoàn.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để thu hút vốn cho các dự án ESG, đặc biệt từ các nhà đầu tư quốc tế có kinh nghiệm hoặc cam kết về phát triển bền vững. Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp Việt Nam, nhất là SMEs, còn hạn chế về tài chính, công nghệ cũng như kinh nghiệm để tự mình tuân thủ ESG, việc thiết lập quan hệ

đối tác hoặc liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài sẽ giúp kết hợp lợi thế thị trường nội địa với nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản trị quốc tế.

Kết luận

Chỉ thị Thâm định bền vững doanh nghiệp của Liên minh châu Âu đã thiết lập một khuôn khổ pháp lý mới nhằm tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các tác động môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi giá trị. Thông qua các nghĩa vụ thâm định bắt buộc và cơ chế giám sát, CSDDD không chỉ điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp trong EU mà còn tạo ra tác động lan tỏa đối với các doanh nghiệp ngoài EU tham gia chuỗi cung ứng của thị trường này.

Đối với Việt Nam, EU là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng, vì vậy việc thực thi CSDDD đặt ra những thách thức đáng kể cho doanh nghiệp, bao gồm chi phí tuân thủ cao, yêu cầu nâng cao năng lực quản trị, cũng như nguy cơ bị loại khỏi chuỗi cung ứng nếu không đáp ứng các tiêu chuẩn ESG. Tuy nhiên, Chỉ thị cũng mở ra cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao tiêu chuẩn quản trị, thúc đẩy chuyển đổi xanh và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Vì vậy, để thích ứng hiệu quả với các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường EU, các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động xây dựng chiến lược phát triển bền vững, tăng cường hệ thống quản trị ESG và nâng cao tính minh bạch trong chuỗi cung ứng. Trong dài hạn, việc đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững không chỉ giúp duy trì khả năng tiếp cận thị trường EU mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong thương mại quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Chỉ thị 2024/1760 (CSDDD - Corporate Sustainability Due Diligence Directive) của Liên minh châu Âu về thâm định tính bền vững của doanh nghiệp.

Marcu, A., Mehling, M., & Ruiz, A. (2023). “The EU Corporate Sustainability Due Diligence Directive and its extraterritorial effect: Promise and pitfalls”, xem tại: <https://ercst.org/download/the-eu-corporate-sustainability-due-diligence-directive-and-its-extraterritorial-effect-promise-and-pitfalls/> (truy cập ngày 5/3/2026)

Petrović, T. J. (2024). “Extraterritoriality effect of the CSDDD on non-EU companies”, xem tại: https://www.researchgate.net/publication/388265793_EXTRATERRITORIALITY_EFFECT_OF_THE_CSDDD_ON_NON-EU_COMPANIES (truy cập ngày 5/3/2026)

Haut Comité Juridique de la Place Financière de Paris (2022), “Rapport sur l’extraterritorialité du droit de l’union européenne”, xem tại: https://www.banque-france.fr/system/files/2023-10/rapport_46_f.pdf (truy cập ngày 5/3/2026)

Scott, J. (2014), “Extraterritoriality and Territorial Extension in EU Law”, xem tại: https://www.researchgate.net/publication/263240042_Extraterritoriality_and_Territorial_Extension_in_EU_Law (truy cập ngày 6/3/2026)

Martyniszyn, M. (2021), “Extraterritoriality in EU Competition Law”, xem tại: https://www.researchgate.net/publication/355776758_Extraterritoriality_in_EU_Competition_Law (truy cập ngày 6/3/2026)

Bradford, A. (2012). *The Brussels effect*. *Northwestern University Law Review*, 107(1), 1-67, xem tại: https://scholarship.law.columbia.edu/faculty_scholarship/271/ (truy cập ngày 6/3/2026)

UN (2012), “Guiding Principles on Business and Human Rights”, xem tại: <https://www.ohchr.org/en/publications/reference-publications/guiding-principles-business-and-human-rights> (truy cập ngày 6/3/2026)

ILO (2017), Tuyên bố ba bên về các Nguyên tắc liên quan tới doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội, xem tại: dev.ilo.org/vi/publications/tuyen-bo-ba-ben-ve-cac-nguyen-tac-lien-quan-den-cac-doanh-nghiep-da-quoc-gia (truy cập ngày 7/3/2026)

OECD (2018), “OECD Due Diligence Guidance for Responsible Business Conduct”, xem tại: https://www.oecd.org/en/publications/oecd-due-diligence-guidance-for-responsible-business-conduct_15f5f4b3-en.html (truy cập ngày 7/3/2026)

KPMG (2024), “The Corporate Sustainability Due Diligence Directive Has Been Adopted”, xem tại: <https://kpmg.com/dk/en/esg/the-corporate-sustainability-due-diligence-directive-has-been-ad.html> (truy cập ngày 7/3/2026)

Vụ Chính sách thương mại đa biên (2024), “Chỉ thị của EU về thẩm định tính bền vững doanh nghiệp (CSDDD) có hiệu lực”, *Bộ Công Thương*, xem tại: <https://fta.gov.vn/index.php?r=site%2Fdetail&id=1607> (truy cập ngày 7/3/2026)

Anastase, G. (2025), “ESG M&A: When Good Intentions Meet Deal Reality - Navigating Environmental and Social Due Diligence in 2025”, xem tại: <https://exitvalue.org/2025/08/11/esg-ma-when-good-intentions-meet-deal-reality-navigating-environmental-and-social-due-diligence-in-2025/> (truy cập ngày 7/3/2026)

El Dahan, M. (2025), “Exclusive: Qatar's Energy Minister Warns EU Law Could Stop it Supplying LNG to Europe”, *Reuters*, xem tại: <https://www.reuters.com/business/energy/qatars-energy-minister-warns-eu-law-could-deter-business-europe-2025-10-16/> (truy cập ngày 7/3/2026)

Felbermayr, G., Friesenbichler, K., Gerschberger, M., Klimek, P. & Meyer, B. (2024), “Designing EU Supply Chain Regulation”, *Intereconomics*, xem tại: <https://www.intereconomics.eu/contents/year/2024/number/1/article/designing-eu-supply-chain-regulation.html> (truy cập ngày 7/3/2026)

Al-Emadi, T.A., Pereira, E.G., Al-Masry, M. & Fowler, R.M.E. (2025), “The EU Corporate Sustainability Due Diligence Directive: Implications and the Qatari Case Study”, *Journal of World Energy Law & Business*, xem tại: <https://academic.oup.com/jwelb/article/18/4/jwaf022/8317358> (truy cập ngày 7/3/2026)

European Commission, n.d. (2024), “Corporate sustainability due diligence”, xem tại: <https://commission.europa.eu/business-economy-euro/doing-business-eu/sustainability-due->

diligence-responsible-business/corporate-sustainability-due-diligence_en (truy cập ngày 7/3/2026)

Đinh, H.M. (2025), “Phân tích xu hướng ESG tác động tới tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu”, *Tạp chí Tài chính Doanh nghiệp*, xem tại: <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/phan-tich-xu-huong-esg-tac-dong-toi-tai-cau-truc-chuoi-cung-ung-toan-cau-d60080.html> (truy cập ngày 8/3/2026)

Si, T. & Bonnin Roca, J. (2026), “Strengthen Supply Chain Resilience against Risks: The Impact of CSDDD on EU Companies”, *European Journal of Risk Regulation*, Cambridge University Press, xem tại: <https://www.cambridge.org/core/journals/european-journal-of-risk-regulation/article/strengthen-supply-chain-resilience-against-risks-the-impact-of-csddd-on-eu-companies/3F62EBE4FC577CC5D5B63461DEE7745F> (truy cập ngày 8/3/2026)

Thế Hải (2026), “Việt Nam xuất siêu sang EU 38,6 tỷ USD”, *Báo Đầu tư*, xem tại: <https://baodautu.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-eu-386-ty-usd-d485752.html> (truy cập ngày 9/3/2026)

Hoàng, T.H.H. (2025), “Nhu cầu được hỗ trợ tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, xem tại: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/02/25/nu-cau-duoc-ho-tro-tai-chinh-cua-doanh-nghiep-nho-va-vua-viet-nam/> (truy cập ngày 9/3/2026)

WBG (2022), “Vietnam Country Climate and Development Report”, xem tại: <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/29e72556-d255-5c50-a086-245c1ccc4704> (truy cập ngày 9/3/2026)

Đức Hiền (2025), “Doanh nghiệp Việt cần thay đổi để tồn tại trong chuỗi cung ứng vào thị trường EU”, *Thời báo Ngân hàng*, xem tại: <https://thoibaonganhang.vn/doanh-nghiep-viet-can-thay-doi-de-ton-tai-trong-chuoi-cung-ung-vao-thi-truong-eu-172369.html> (truy cập ngày 9/3/2026)